

BÁO CÁO
Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường làng nghề
trong giai đoạn 2016-2018 của tỉnh Bình Định

Thực hiện Văn bản số 1779/BTNMT-TCMT ngày 19/4/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo hiện trạng công tác bảo vệ môi trường làng nghề, sau khi tổng hợp UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo một số nội dung sau:

I. Thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn trong giai đoạn 2016-2018

1. Quy hoạch chung các làng nghề

Trong thời gian qua, việc quy hoạch phát triển các làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2018 thực hiện theo Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh và Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Số liệu về các làng nghề

- Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 67 làng nghề. Trong đó:

+ 38 làng nghề đạt tiêu chí theo quy định tại Quyết định số 131/2005/QĐ-UBND ngày 13/11/2005 của UBND tỉnh về việc quy định công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định;

+ 08 làng nghề nông nghiệp (thuộc nhóm ngành nghề cây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh) đạt tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ 21 làng nghề chưa được công nhận.

- Trong 67 làng nghề, có 22 làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; 06 làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; 05 làng nghề xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; 28 làng nghề sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; 06 làng nghề sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.

- Các làng nghề trên địa bàn tỉnh phân bố trên 07 huyện và 01 thị xã như sau: Tuy Phước (04 làng nghề); Phù Cát (09 làng nghề); Phù Mỹ (11 làng nghề); Hoài Nhơn (04 làng nghề); Hoài Ân (04 làng nghề); Tây Sơn (04 làng nghề); Vĩnh Thạnh (03 làng nghề); An Nhơn (28 làng nghề). Hầu hết các làng nghề trên địa bàn tỉnh sản xuất theo phương pháp thủ công truyền thống. Bên cạnh đó,

một số làng nghề đã bước đầu kết hợp ứng dụng một số công nghệ, máy móc vào một số công đoạn sản xuất như làng nghề tiện gỗ, làm nhang, chiếu cói,...

(Danh sách các làng nghề trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục 1 kèm theo).

3. Phân loại các làng nghề về bảo vệ môi trường

Thực hiện Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Thông tư số 31), trong năm 2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành đánh giá, phân loại các làng nghề trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn. Qua kiểm tra và đánh giá cho thấy, các làng nghề trên địa bàn tỉnh tập trung trên 3 lĩnh vực chế biến lương thực, thực phẩm; thủ công mỹ nghệ; tái chế kim loại và đa phần các hộ sản xuất có quy mô công suất nhỏ, phát sinh lượng chất thải không lớn nên mức độ ô nhiễm môi trường tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh không cao. Tình trạng ô nhiễm chủ yếu tập trung ở một số làng nghề chế biến thực phẩm như làng nghề bún tươi, chế biến tinh bột mì, nước mắm, rượu.

II. Thực trạng và diễn biến môi trường làng nghề trên địa bàn

1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường làng nghề

a. Môi trường không khí:

Ô nhiễm môi trường không khí tại các làng nghề phát sinh chủ yếu từ quá trình đốt nhiên liệu và sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất trong dây chuyền công nghệ sản xuất. Nhiên liệu chính được sử dụng tại các làng nghề là củi, than và mùn cưa... Đây chính là nguồn phát sinh bụi, CO₂, SO₂, NO_x, CO gây ô nhiễm môi trường không khí.

Tại các làng nghề chế biến nông lâm sản, thực phẩm, ô nhiễm môi trường không khí còn do sự phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải, chất thải rắn có hàm lượng hữu cơ cao, tạo nên các khí H₂S, NH₃,... gây mùi tanh hôi khó chịu. Bên cạnh đó, đa số các hộ sản xuất bún, tinh bột mì, rượu bầu đá,.. đều kết hợp hoạt động chăn nuôi ngay sát khu vực sản xuất nên gia tăng ô nhiễm không khí.

b. Môi trường nước

Qua theo dõi hiện trạng hoạt động tại một số làng nghề biến tinh bột mì, bún tươi, bánh tráng, rượu,... cho thấy, phần lớn các hộ sản xuất không xử lý nước thải đảm bảo trước khi thải ra môi trường nên nước thải thường có các chỉ tiêu hữu cơ và coliforms vượt so tiêu chuẩn cho phép (Làng nghề bánh tráng mì chà Mỹ Hội I, Làng nghề làm bún tươi Ngãi Chánh, làng nghề chế biến cá com khô xuất khẩu Xuân Bình,...). Nguồn nước thải chưa được xử lý đảm bảo đã và đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nước ngầm tại một số làng nghề chế biến thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường làng nghề

a. Chất thải rắn thông thường

Tại các làng nghề, chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải này được các hộ dân trong làng nghề thu gom và hợp đồng với các đơn vị ở địa phương thu gom, xử lý. Chất thải rắn sản xuất phát sinh không đáng kể, một phần dùng làm nhiên liệu đốt (làng nghề đan tre, nón lá, dệt chiếu), một phần tận dụng làm thức ăn chăn nuôi (làng nghề bánh

tráng, bánh hỏi, bún,...)

b. Chất thải rắn nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại các làng nghề chủ yếu là các loại chất thải thông dụng như bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu, thùng sơn... với khối lượng phát sinh không đáng kể. Hiện nay, phần lớn các hộ sản xuất trong các làng nghề chưa thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

c. Nước thải sinh hoạt:

Tại các làng nghề, phần lớn hoạt động sản xuất được thực hiện ngay trong khuôn viên hộ gia đình nên nước thải sinh hoạt được các hộ thu gom, xử lý bằng bể tự hoại hoặc thấm đất.

d. Nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất phát sinh nhiều chủ yếu tại một số làng nghề chế biến thực phẩm như đề cập ở phần trên. Phần lớn nước thải sản xuất chưa được các hộ sản xuất quan tâm xử lý. Riêng đối với làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn đã đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải với công suất 120m³/ngày.đêm từ nguồn vốn Chương trình Tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư). Đối với làng nghề cá cơm Mỹ An, UBND tỉnh cũng đã đồng ý chủ trương lập dự án xây hệ thống xử lý nước thải.

3. Các vấn đề môi trường chính tại các làng nghề

a. Về quy hoạch

Các làng nghề được quy hoạch dựa trên hiện trạng các khu dân cư có tỷ lệ cao các hộ gia đình cùng hoạt động sản xuất chung một ngành nghề. Chính vì vậy, các hộ sản xuất tại các làng nghề nằm đan xen trong các khu dân cư. Ngoài ra, toàn bộ các làng nghề đều không có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

b. Về công nghệ sản xuất

Hầu hết tại các làng nghề, loại hình sản xuất, kinh doanh là kinh tế hộ gia đình với quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu, các thiết bị cũ, thiếu đồng bộ. Với đặc thù công nghệ sản xuất như trên cũng phát sinh nhiều chất thải trong khi các hộ sản xuất không chú trọng thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

c. Về kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

Các hộ sản xuất tại các làng nghề thường hạn chế về tiềm lực kinh tế nên khó khăn trong công tác đầu tư cho xử lý chất thải. Ngoài ra, nguồn kinh phí của các địa phương cũng hạn hẹp nên việc triển khai đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường (xây các hệ thống xử lý tập trung, hỗ trợ di dời các cơ sở trong làng nghề ô nhiễm,...) chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

III. Tình hình và kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề

1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

a. Cấp xã:

Theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT, công tác quản lý tại các làng nghề hiện nay do UBND cấp xã thực hiện. Theo đó, UBND cấp xã phải lập Phương án bảo vệ môi trường làng nghề, trình UBND cấp huyện xác nhận (sau khi nhận được ý kiến góp ý của Sở Tài nguyên và Môi trường). Nhiệm vụ quản lý về bảo vệ môi trường tại cấp xã thường do 01 cán bộ địa chính - xây dựng kiêm nhiệm. Chính vì vậy, việc quản lý không sâu sát, hiệu quả không cao.

b. Cấp huyện:

Tại UBND các huyện, thị xã, thành phố đều có cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi trường tại phòng Tài nguyên và Môi trường. Ngoài một số địa phương như thành phố Quy Nhơn, huyện Hoài Nhơn, tại phòng Tài nguyên và Môi trường có từ 02 - 03 cán bộ chuyên trách về môi trường, các huyện, thị xã đều chỉ có 01 cán bộ môi trường nên khó đảm bảo công tác tham mưu quản lý trên lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung và quản lý làng nghề nói riêng.

c. Cấp tỉnh:

Ở cấp tỉnh, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có 16 biên chế, trong đó có 01 cán bộ phụ trách lĩnh vực quản lý môi trường các làng nghề. Bên cạnh đó, công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khác đối với làng nghề còn do Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, quy chuẩn về bảo vệ môi trường làng nghề

a. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án bảo vệ môi trường làng nghề

Trong thời gian qua, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành các văn bản nhằm triển khai và tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b. Văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề

Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý các làng nghề

được ban hành trong thời gian qua bao gồm:

- Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định phân vùng phát thải khí thải và xả thải nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

** Nhận xét chung:* Việc ban hành các văn bản nêu trên đã góp phần từng bước ổn định hoạt động sản xuất và tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương có làng nghề từng bước quản lý tốt công tác bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức thực hiện pháp luật, công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề

a. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường làng nghề trong cộng đồng, người dân và doanh nghiệp

Hàng năm, UBND tỉnh đều giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tối thiểu 01 lớp tập huấn về công tác bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý môi trường cấp huyện, xã. Các lớp tập huấn nhằm cung cấp các thông tin, quy định mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (trong đó có các quy định về làng nghề) cũng như hướng dẫn nghiệp vụ trong công tác quản lý môi trường để nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường các cấp trên địa bàn tỉnh.

b. Xây dựng hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường làng nghề

Đề chủ động trong việc quản lý chất lượng môi trường tại địa phương theo hướng dẫn tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường Quốc gia giai đoạn 2015 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Quy hoạch nêu trên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017. Quy hoạch nêu trên đã xác lập một số điểm quan trắc nước mặt, nước ngầm, không khí tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trong thời gian qua, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường đều tiến hành công tác quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó có các điểm quan trắc môi trường tại các làng nghề. Các báo cáo quan trắc hàng năm đều được gửi về Tổng cục Môi trường.

4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, những tồn tại và nguyên nhân

a. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, việc triển khai thực hiện Quyết định số 4460/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng

đến năm 2030 đã góp phần đầu tư xây dựng hạ tầng các làng nghề, chủ yếu là đường giao thông dẫn vào làng nghề; các chương trình khuyến công đã hỗ trợ hàng trăm triệu đồng đào tạo nghề cho hàng ngàn lao động và hàng chục mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và thủ công mỹ nghệ.

Bên cạnh đó, tỉnh đã quan tâm xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề đặc trưng. Cụ thể như trong năm 2017, UBND tỉnh đã có Văn bản số 3557/UBND-KT ngày 11/7/2017 về việc chủ trương ngừng hoạt động đối với 168 hộ dân đang sản xuất bột mì tại 03 xã Hoài Hảo, Hoài Tân, Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn do dễ phát sinh tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời, năm 2018, trước tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải tại làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh để thực hiện dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho làng nghề với công suất 120 m³/ngày đêm.

Ngoài ra, thực hiện Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị UBND các huyện, thị xã yêu cầu UBND các xã, phường, thị trấn có làng nghề lập phương án Bảo vệ môi trường. Đến nay, có 23 làng nghề đã được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề và 04 làng nghề được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết theo quy định.

b. Những tồn tại, hạn chế

Chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn đã được tỉnh ban hành, nhưng việc thực thi thiếu đồng bộ, chưa thật sự tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại các làng nghề (vốn hỗ trợ đầu tư, quy hoạch mặt bằng sản xuất, vốn vay thế chấp tài sản, chi phí hỗ trợ tham gia hội chợ, xúc tiến thương mại...).

Nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề ở các cấp và nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường cho các làng nghề còn rất hạn chế.

Nhiều địa phương còn buông lỏng công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường tại các làng nghề. Ngoài ra, do đặc thù về quy mô sản xuất của các hộ trong làng nghề nhỏ, nguồn lực tài chính hạn chế nên việc xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai.

III. Phương hướng, giải pháp và đề xuất kiến nghị

1. Phương hướng và giải pháp:

Từ thực trạng nêu trên trong công tác quản lý môi trường tại các làng nghề, một số phương hướng và giải pháp được đề xuất để nâng cao hiệu quả quản lý như sau:

- Tổ chức việc công nhận làng nghề theo quy định tại Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ và bảo đảm phù hợp với các quy định tại Điều 12 của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT;

- Yêu cầu các cơ quan liên quan rà soát quy hoạch phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, yêu cầu gắn với các quy định về bảo vệ môi trường;

- Tiếp tục yêu cầu UBND các huyện, thị xã và các ngành tổ chức triển khai đồng bộ công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong đó, chú trọng công tác phân loại làng nghề về môi trường, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Rà soát và yêu cầu các làng nghề chưa xây dựng phương án bảo vệ môi trường phải khẩn trương thực hiện, hoàn thành trong năm 2019; đồng thời, triển khai đồng bộ công tác bảo vệ môi trường theo phương án được phê duyệt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường tại các làng nghề. Trong đó, tuyên truyền các hộ dân sản xuất trong làng nghề thực hiện công tác xử lý chất thải và quản lý chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định.

- Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đề xuất, kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến quản lý làng nghề như:

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp cách tính cụ thể hệ số A tại Phụ lục 3, Thông tư số 31 để cho các địa phương thuận lợi trong việc thực hiện.

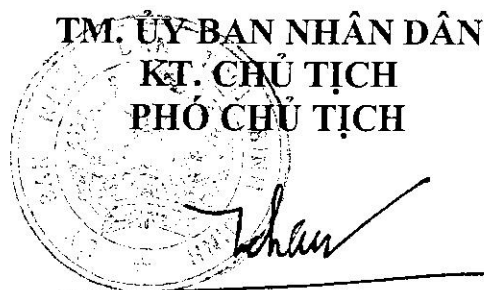
- Xem xét, bổ sung việc lấy mẫu nước dưới đất, mẫu nước thải để đánh giá mức độ ô nhiễm của làng nghề vì đây chính là căn cứ để đánh giá chất lượng môi trường tại làng nghề.

Trên đây là kết quả thực hiện báo cáo hiện trạng về công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh Bình Định, Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Môi trường;
- CT, PCT Trần Châu;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. *me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

**PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN VỀ LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Báo cáo số 427/BC-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

TT		Tên làng nghề	Loại hình sản xuất	Địa chỉ	Sản phẩm chính	Thời gian công nhận	Quyết định công nhận
							46
I	4	HUYỆN TUY PHƯỚC					
1	1	LN Bánh tráng Kim Tây, Phước Hoà	Chế biến lương thực, thực phẩm	Kim Tây, Trì Thượng, Xã Phước Hòa	Bánh tráng	01/8/2007	Quyết định số 521/QĐ-UBND
2	2	LN SP từ cói An Lợi, Phước Thắng	Thủ công mỹ nghệ	Thôn An Lợi, Phước Thắng	Chiếu các loại	01/8/2007	
3	3	LN SP từ cói Lạc Điền, Phước Thắng	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	Chiếu các loại	01/8/2007	
4	4	LN Trồng hoa Bình Lâm, Phước Hòa	Gây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh	Thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa	Hoa cúc, hoa ly	4/4/2012	Quyết định số 169/QĐ-UBND
II	28	THỊ XÃ AN NHƠN					
5	1	LNTT Rượu Bàu Đá Nhơn Lộc	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc	Rượu gạo Bàu Đá	01/8/2007	Quyết định số 521/QĐ-UBND
6	2	LNTT Bún tươi Ngãi Chánh	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu	Bún tươi	01/8/2007	
7	3	LNTT Tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu	Đồ gỗ mỹ nghệ các loại	01/8/2007	
8	4	LNTT Đồ gốm Vân Sơn, Nhơn Hậu	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	Đồ gốm các loại	01/8/2007	
9	5	LNTT Rèn Tây Phương Danh	Gia công cơ kim khí	Thôn Tây Phương Danh, TT. Đập Đá	Dao, rựa, kéo	01/8/2007	
10	6	LNTT Nón lá Gò Găng	Thủ công mỹ nghệ	Phường Nhơn Thành	Nón lá các loại	01/8/2007	
11	7	LNTT Bún Bánh các loại Trường Cửu	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Trường Cửu, xã Nhơn Lộc	Bánh tráng	01/4/2009	Quyết định số 880/QĐ-CTUBND

12	8	LNTT Đan Lát Nhơn Khánh	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Quan Quang, xã Nhơn Khánh	Nong nia, rổ dùng sản		
13	9	LNTT đan tre Đông Lâm, Nhơn Lộc	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Đông Lâm, xã Nhơn Lộc	Nong nia, rổ dùng sản	01/7/2010	Quyết định số 1487/QĐ-CTUBND
14	10	LTTT chè Que nhang Bả Canh	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Bả Canh, TT.Đập Đá	Que nhang	01/7/2010	
15	11	LNTT Nón Lá Đại An	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Đại An, xã Nhơn Mỹ	Nón lá các loại	01/7/2010	
16	12	LNTT nón lá Nghĩa Hòa	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Nghĩa Hòa, xã Nhơn Mỹ	Nón lá các loại	01/7/2010	
17	13	LNTT Nón Lá Tân Nghi	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Tân Nghi, xã Nhơn Mỹ	Nón lá các loại	01/7/2010	
18	14	LNTT nón lá Thuận Đức	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Thuận Đức, xã Nhơn Mỹ	Nón lá các loại	01/7/2010	
19	15	LN đan giỏ tre Đại Bình, Nhơn Mỹ	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Đại Bình, xã Nhơn Mỹ	Giỏ tre các loại	01/7/2010	
20	16	LNTT Bún bánh An Thái	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn An Thái, xã Nhơn Phúc	Bán, bún	01/7/2010	
21	17	LNTT Bánh ướt, bánh hời	Chế biến lương thực, thực phẩm	Nhơn Thuận, P.Nhơn Thành	Bánh ướt	01/9/2009	Quyết định số 2516/QĐ-CTUBND
22	18	LNTT Cốm An Lợi	Chế biến lương thực, thực phẩm	An Lợi, P.Nhơn Thành	Cốm	01/9/2009	
23	19	LNTT Đậu khuôn Vạn Thuận	Chế biến lương thực, thực phẩm	Vạn Thuận, P. Nhơn Thành	Đậu khuôn các loại	01/9/2009	
24	20	LNTT Đúc Bằng Châu	Gia công cơ kim khí	Bằng Châu, TT.Đập Đá	SP đồng các loại	01/9/2009	
25	21	LN trồng mai cảnh Háo Đức	LN trồng mai cảnh Háo Đức	Thôn Háo Đức, xã Nhơn An	Mai các loại	28/5/2009	Quyết định số 388/QĐ-UBND
26	22	LN trồng mai cảnh Thanh Liêm	LN trồng mai cảnh Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An	Mai các loại	28/5/2009	
27	23	LN trồng mai cảnh Thuận Thái	LN trồng mai cảnh Thuận Thái	Thôn Thuận Thái, xã Nhơn An	Mai các loại	28/5/2009	
28	24	LN trồng mai cảnh Tân Dương	LN trồng mai cảnh Tân Dương	Thôn Tân Dương, xã Nhơn An	Mai các loại	14/4/2010	Quyết định 174/QĐ-UBND

29	25	LN trồng mai cảnh Trung Định	LN trồng mai cảnh Trung Định	Thôn Trung Định, xã Nhơn An	Mai các loại	14/4/2010	
30	26	LN dệt Đông Phương Danh (150 năm)	Thủ công mỹ nghệ	P.Đập Đá, TX. An Nhơn	Gia công dệt vải các loại		
31	27	LN Rèn Nam Tân (150 năm)	Gia công cơ kim khí	Xã Nhơn Hậu, TX. An Nhơn	Nông cụ và vật dụng cơ khí dùng trong gia đình		
32	28	LN Đan tre Tây Phương Danh (30 năm)	Thủ công mỹ nghệ	P.Đập Đá, TX. An Nhơn	Gia công dệt vải các loại		
III	9	HUYỆN PHÚ CAT					
33	1	LNTT Bánh tráng Phú Gia	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Phú Gia, xã Cát Tường	Bánh các loại	01/8/2007	Quyết định số 521/QĐ-UBND
34	2	LNTT SP từ cỏi Phú Hậu, Cát Tiến	Thủ công mỹ nghệ	Phú Hậu, xã Cát Tiến	Chiếu các loại	01/8/2007	
35	3	LNTT SP từ cỏi Chánh Hội, Cát Chánh	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh	Chiếu các loại	01/8/2007	
36	4	LNTT Nhang Xuân Quang, Cát Tường	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Xuân Quang, xã Cát Tường	Nhang que các loại	01/8/2007	
37	5	LNTT Nón ngựa Phú Gia	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Phú Gia, xã Cát Tường	Nón lá các loại	01/8/2007	
38	6	LNTT Đan Đất Cát Minh	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Trung Chát, xã Cát Minh	Thúng rỏ, dùng sản từ nguyên liệu bằng tre	01/1/2009	Quyết định số 72/QĐ-CTUBND
39	7	LNTT Bánh bún TT Ngô Mây	Chế biến lương thực, thực phẩm	Khu An Phong, TT.Ngô Mây	Bánh tráng, bún phở, hủ tiếu, bánh	01/1/2009	
40	8	LNTT Đan đất Phú Hiệp, Cát Tài	Thủ công mỹ nghệ	Phú Hiệp, xã Cát Tài	Các mặt hàng đang tre	01/8/2009	Quyết định số 2199/QĐ-CTUBND
41	9	Làng nghề nước mắm Đề Gi	Thôn An Quang Đông, An	Thôn An Quang Đông, An Quang	Nước mắm	26/2/2016	

			Quang Tây, xã Cát Khánh, huyện	Tây, xã Cát Khánh			
IV	11	HUYỆN PHÙ MỸ					
42	1	LNTT Bánh tráng mì chà Mỹ Hội, Mỹ Tài	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Mỹ Hội 1, 2, 3, xã Mỹ Tài	Bánh tráng mì các loại	01/4/2009	Quyết định số 880/QĐ- CTUBND
43	2	LNTT Thảm xơ dừa Mỹ Lợi	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Chánh Khoan Đông, CK Tây, CK Nam, xã Mỹ Lợi	Thảm các loại	01/12/2011	Quyết định số 3037/QĐ- CTUBND
44	3	LNTT Đan đất Vĩnh Nhon	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Vĩnh Lý, Vĩnh Nhon, xã Mỹ Tài	Dùng, thùng, nong nia	01/12/2011	
45	4	LN SP từ còi Mỹ Thắng	Thủ công mỹ nghệ	Thôn 10, 11, xã Mỹ Thắng	Chiều các loại	26/2/2016	
46	5	LNTT Bánh tráng các loại Mỹ Phong	Chế biến lương thực, thực phẩm	Vĩnh Bình, Vĩnh Tường, xã Mỹ Phong	Bánh tráng các loại		
47	6	LN Hải sản khô Mỹ An	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Xuân Bình, Xuân Thanh, xã Mỹ An	Cá các loại		
48	7	LN Cá khô Mỹ Thọ	Chế biến lương thực, thực phẩm	Xã Mỹ Thọ	Ruốc, cá		
49	8	LN bún gạo tươi Tường An	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Tường An, xã Mỹ Quang	Bún gạo tươi, bún khô		
50	9	LN Mây tre đan, cốt xã Mỹ Hiệp	Thủ công mỹ nghệ	Xã Mỹ Hiệp	Mây tre đan, cốt đan		
51	10	LN bánh tráng xã Mỹ Quang	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Bình Trị, xã Mỹ Quang	Bánh tráng các loại		
52	11	LN sản xuất dây chỉ nhựa Mỹ Phong	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Vĩnh Bình, Văn Tường, xã Mỹ Phong	Dây nhựa		
V	4	HUYỆN HOÀI NHON					
53	1	LNTT Bún, bánh Tam Quan Nam	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Tăng Long, xã Tam Quan	Bánh tráng nước	01/6/2011	Quyết định số 1209/QĐ-

				Nam	dừa, bún số 8		CTUBND
54	2	LNTT Thảm xơ dừa Tam Quan Nam	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Lợi Tây, Lợi Bắc, Lợi Nam, xã Tam Quan Nam	Thảm xơ dừa các loại	01/8/2007	Quyết định số 521/QĐ-UBND
55	3	LNTT Sản phẩm từ cói Hoài Châu Bắc	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Chương Hòa, Gia An Đông, Gia An, Quy Thuận, xã Hoài Châu Bắc	Chiều và các sản phẩm từ cói	01/8/2007	
56	4	LNTT Sản phẩm từ cói Tam Quan Bắc	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Công Thạn, Đình Thanh, xã Tam Quan Bắc	Chiều và các sản phẩm từ cói	01/1/2009	Quyết định số 72/QĐ-CTUBND
VI	4	HUYỆN HOÀI ÂN					
57	1	LN Dệt thổ Cẩm (3 xã vùng cao)	Thủ công mỹ nghệ	Xã BoK Tới	Vải Thổ Cẩm		
58	2	LN Đan mây tre Ân Đức	Thủ công mỹ nghệ	Xã Ân Đức	Nong, nia, rọ các loại		
59	3	LN Chằm nón Ân Tín	Thủ công mỹ nghệ	Xã Ân Tín	Nón các loại		
60	4	LN Trồng dâu nuôi tằm	Thủ công mỹ nghệ	Xã Ân Hào Đông, Ân Hào Tây, Ân Mỹ	Trồng dâu nuôi tằm		
VII	4	HUYỆN TÂY SƠN					
61	1	LN Nón lá Bình Thuận	Thủ công mỹ nghệ	Thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận	Nón lá các loại	01/8/2009	Quyết định số 2199/QĐ-CTUBND
62	2	LN Bánh tráng Thuận Truyền	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Thuận Truyền, xã Bình Thuận	Bánh tráng		
63	3	LN Bánh tráng Kiên Long	Chế biến lương thực, thực phẩm	Thôn Kiên Mong, xã Bình Thành	Bánh tráng		
64	4	LN Dệt thổ cẩm làng Giọt	Thủ công mỹ nghệ	Xã Vĩnh An	Vải thổ cẩm		
VIII	3	HUYỆN VĨNH THẠNH					

65	1	LN Dệt thổ Cẩm TCMN Hà Ri	Thủ công mỹ nghệ	Xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh	Vải thổ cẩm		
66	2	LN Sản xuất bánh tráng Vĩnh Cửu	Chế biến lương thực, thực phẩm	Xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh	Bánh tráng các loại		
67	3	LN Sản xuất Rượu Vĩnh Cửu	Chế biến lương thực, thực phẩm	Xã Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Thạnh	Rượu		

Nke